

Bản án số: 123/2023/DS-PT

Ngày 19 - 4 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Dương Hùng Quang

Ông Ninh Quang Thế

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tú Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị G, sinh năm 1972 (có mặt).

Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1967.

Cùng cư trú tại: Khóm 6A, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn U: Ông Lê Trung T3, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, phường 6, thành phố C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị G: Luật sư Nguyễn Hữu Nghiệp – Văn phòng Luật sư Ngô Đình Chiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn T1, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C ..

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đặng Thị T4, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 6A, thị t, huyện T, tỉnh C ..

2. Ông Lê Minh P, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C ..

3. Ông Hồ Minh C, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Khai Hoang, xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị G, ông Nguyễn Văn U là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Giữa bà K và ông T1 quen biết với nhau, ông T1 là em bà Lê Thị G. Ngày 01/8/2018 âl, bà K có cho bà Lê Thị G và ông Nguyễn Văn U mượn số tiền 370.000.000 đồng, thời gian thanh toán là 02 tháng, việc cho mượn không có làm giấy tờ gì; bà K đã đưa đủ số tiền 370.000.000 đồng cho bà G trực tiếp nhận. Đến hết hạn bà G và ông U không thanh toán. Sau đó giữa bà K và bà G thỏa thuận bà G sẽ chuyển nhượng cho bà K 12 công đất ở ấp Thứ Vải A để trừ khoản nợ 370.000.000 đồng, nhưng đến khi thực hiện thỏa thuận thì bà K phát hiện phần đất do ông Lê Minh P em bà G đứng tên, nên không đồng ý và yêu cầu trả đủ số tiền 370.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bà G và ông U phải có nghĩa vụ trả khoản nợ 370.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi 129.500.000 đồng nay rút lại yêu cầu.

Bị đơn bà Lê Thị G trình bày: Bà K và ông T1 chung sống với nhau như vợ chồng, bà G là chị ruột của ông T1. Bà G có cho ông T1 mượn tiền nhiều lần với số tiền 350.000.000 đồng. Vào năm 2018 bà G có hỏi mượn tiền của bà K số tiền 370.000.000 đồng, thời gian 02 tháng, việc cho mượn không có làm giấy tờ gì. Quá trình mượn tiền thì bà G có yêu cầu đối trừ nợ với ông T1, thì đến ngày 25/3/2019 âm lịch nhằm ngày 29/4/2019 dương lịch tại nhà bà G gồm có ông Võ Thanh Vân (ông ngoại bà K), bà G, K và Tèo thì ông Vân có viết giấy cam kết nội dung ông T1 nợ bà G 350.000.000 đồng, K xuất tiền ra trả cho bà G trừ khoản nợ bà G mượn, sau đó bà G đưa quyền sử dụng đất cho K, T1 giữ và cam kết không ai khiếu nại gì về sau. Thời gian vài tháng sau thì ông T1 và bà K tiếp tục đến nhà bà đòi khoản nợ 370.000.000 đồng do Kiều và Tèo không đồng ý trừ cần. Vợ chồng bà đã trả khoản nợ 370.000.000 đồng, việc trả khoản nợ vào khoảng cuối năm 2019 và không có làm

giấy tờ. Do vợ chồng bà đã thanh toán xong nay không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà K.

Đại diện cho ông Nguyễn Văn U trình bày: Bà K là người đã giả mạo chứng cứ để khởi kiện. Đồng thời vào ngày 29/4/2019 bà G đã thực hiện xong nghĩa vụ bằng hình thức trả lại quyền sử dụng đất cho bà K và ông T1 lấy về, nhưng do bà K và ông T1 không trực tiếp đứng tên được nên mới nhờ ông P đứng tên dùm, giá phần đất hiện nay thực tế là trên 1,5 tỷ đồng. Bà G đã thực hiện đối trừ nghĩa vụ xong. Nay ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

- *Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. Buộc bị đơn bà Lê Thị G và ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị K số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).*

- *Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K đối với số tiền lãi 129.500.000 đồng.*

Ngày 18/01/2023, bị đơn bà Lê Thị G, ông Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 370.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông, bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị G, ông Nguyễn Văn U, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị G, ông Nguyễn Văn U về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 370.000.000 đồng, thấy rằng:

Các đương sự đều thừa nhận bà K có cho bà G và ông U mượn số tiền 370.000.000 đồng, thời hạn trả là 02 tháng, việc cho mượn tiền không có làm giấy tờ nhưng đôi bên thừa nhận. Đồng thời thể hiện vào ngày 25/3/2019 âm lịch (ngày 29/4/2019 dương lịch) các bên có lập “Giấy cam kết” với nội dung bà K đồng ý trừ cán khoản nợ vợ chồng bà G nợ bà K với khoản nợ ông T1 nợ bà G, với điều kiện bà G phải đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1 cầm cố thế chấp trước đó cho bà G (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà G đứng tên dùm ông T1) và có trách nhiệm lập thủ tục chuyển tên cho bà K và ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cam kết bà K cho rằng bên bà G không thực hiện đúng như cam kết, mà quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 12 công tại ấp Thới Vải A hiện nay chuyển cho ông Lê Minh P đứng tên, việc này ông P

thừa nhận là có. Việc ông P đứng tên bà G cho rằng theo yêu cầu của bà K ông T1, nhưng bà K không thừa nhận.

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm bà G thừa nhận sau khi không đạt được thỏa thuận theo cam kết thì bà K có đến nhà bà để đòi lại khoản tiền 370.000.000 đồng, bà G xác định đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ bằng cách trả 02 lần bằng tiền mặt có bà T4 biết; việc này bà K không thừa nhận. Thực tế bà G không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho vấn đề này mà chỉ thông qua người làm chứng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà rút lại lời khai này và cho rằng bà khai không trung thực như vậy việc trả khoản nợ 370.000.000 đồng bằng tiền mặt là không có.

Xét lời trình bày của bà G, ông U cho rằng đã trả bằng cách đối trừ phần nợ mà ông T1 nợ bà G 350.000.000 đồng. Thực tế bà K và ông T1 không phải là vợ chồng, hiện cũng không còn sống chung như vợ chồng và tại phiên tòa phúc thẩm bà G khai số tiền ông T1 nợ là có trước khi ông T1 sống chung với bà K. Như vậy đây là 02 khoản nợ hoàn toàn riêng biệt, việc có đối trừ hay không là ý chí tự nguyện của bà K mà không thuộc trường hợp buộc trách nhiệm đối trừ. Đồng thời, chính lời khai của bà G ở giai đoạn sơ thẩm cũng cho rằng sau khi cần trả bà K có đến đòi khoản nợ 370.000.000 đồng và bà đã thanh toán xong bằng tiền mặt, điều đó có nghĩa việc thỏa thuận đối trừ không thành như lời trình bày của bà K là có căn cứ. Như vậy khoản nợ của bà K được xem là chưa đối trừ và buộc trách nhiệm bà G, ông U tiếp tục thanh toán là có căn cứ.

Đối với khoản nợ ông T1 thiếu bà G, bà G có quyền yêu cầu ông Tèo, nếu không thỏa thuận được và có tranh chấp được giải quyết bằng vụ án khác.

Với những chứng cứ nêu trên cho thấy lời trình bày của bị đơn không có cơ sở vững chắc nên cấp sơ thẩm không chấp nhận và buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn theo yêu cầu là có căn cứ và cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[2] Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị G, ông Nguyễn Văn U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Lê Thị G, ông Nguyễn Văn U phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị G, ông Nguyễn Văn U. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K.

Buộc bị đơn bà Lê Thị G và ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị K số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K đối với số tiền lãi 129.500.000 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị K không phải chịu. Bà K đã dự nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 6.244.000 đồng theo biên lai thu số: 0005367 ngày 26/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Bà Lê Thị G và ông Nguyễn Văn U phải chịu là 18.500.000 đồng (Chưa nộp).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị G, ông Nguyễn Văn U phải chịu án phí 300.000 đồng. Ngày 18/01/2023, bà Lê Thị G đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006053 và ông Nguyễn Văn U đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006054 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Hùng